

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10/9/2024

V/v “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Sậm;

2. Bà Đoàn Sơn Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đỗ Hồng N, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Nguyễn Duy K, sinh năm 1990 (vắng mặt lần 2).

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Hôn nhân của bà và ông Nguyễn Duy K đến với nhau là do tự quen biết, tìm hiểu khoảng 02 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới ngày 02/7/2017, có đăng ký kết hôn ngày 03/8/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà và ông K chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông K không chịu lao động tạo thu nhập chăm lo cho gia đình, tính tình không chung thủy, bà khuyên nhưng không thay đổi, vợ, chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung nên hôn nhân không hạnh phúc. Bà và ông K sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông K có chủ động hàn gắn tình cảm nhưng bà không đồng ý do tình cảm không còn. Nay bà N xin ly hôn với ông K.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh M, sinh ngày 26/8/2019, từ khi ly thân cháu sống với nguyên đơn. Khi ly hôn thì bà N xin tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Duy K mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn với ông K. Về con, giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh M, sinh ngày 26/8/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông K có đăng ký thường trú tại ấp G, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của ông, bà yếu là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong xây dựng gia đình, bị đơn không chịu lao động tạo thu nhập chăm lo cho gia đình nên vợ, chồng cãi vã hôn nhân không hạnh phúc; Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho thấy bị đơn không muốn hàn gắn tình cảm với nguyên đơn, hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng; điều này cũng phù hợp với biên bản xác minh Tòa án lập ngày 02/4/2024. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông K.

[3] Về con: Nguyên đơn, bị đơn có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh M, sinh ngày 26/8/2019. Từ khi ly thân đến nay cháu M sống với bà N nên khi ly hôn, nguyên đơn xin nuôi con chung không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với bị đơn nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 40, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Đỗ Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Duy K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh M, sinh ngày 26/8/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở ông K thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không xem xét giải quyết.

(Nếu sau này phát sinh tranh chấp bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác).

Về án phí: Bà Đỗ Hồng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0006854 ngày 19/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên bà N không phải nộp thêm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía